

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/ DS-ST

Ngày: 30/7/2025

“ Chia di sản thừa kế theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Hà Thị Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thái nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự đã thụ lý số: 55/TLST - DS, ngày 09/10/2024 về việc: “ Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DSST, ngày 09 tháng 06 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh N, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Tổ B, phường Q, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt)

2. Ông Lê Văn P, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1935

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1968

Người được ông Đ1, bà T ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1945 (chết năm 1969);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965 (vắng mặt)
- Bà Lê Thị N1, sinh năm 1970 (vắng mặt)
- Ông Trần Văn V, sinh năm 1980 (vắng mặt)
- Ông Trần Văn V1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
- Anh Trần Văn K, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Trần Thị Á, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm S, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Minh N trình bày: Ông, bà nội của ông là cụ Lê Văn C, chết năm 1995 và cụ Nguyễn Thị K1, chết năm 1999. Ông bà nội của ông sinh được 04 người con bao gồm:

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1935

Địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1940, chết năm 1969, ông là con trai duy nhất của ông T2.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1945, chết năm 2015. Bà H có tổng cộng 07 người con gồm: ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; bà Lê Thị N1, sinh năm 1970; bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978; ông Trần Văn V, sinh năm 1980; ông Trần Văn V1, sinh năm 1983; anh Trần Văn K, sinh năm 1987.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950.

Trước khi cụ C và cụ K1 chết, các cụ có khối di sản gồm các thửa đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã V, tỉnh Thái nguyên) đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 957 ngày 28/10/1994. Bao gồm đất ở 1.100m² tại thửa số 350, tờ bản đồ số 26; thửa đất ruộng số 130a tờ bản đồ số 26 diện tích 870m²; thửa đất ruộng số 130b tờ bản đồ số 26 diện tích 480m²; thửa đất số 138 tờ bản đồ số 26 diện tích 290m². Ngoài ra cụ C và cụ K1 không còn tài sản nào khác, các cụ không có tài sản cho vay và không nợ ai.

Cụ C và cụ K1 chết đều không để lại di chúc. Khi cụ C chết cụ K1 là người đứng ra lo mai táng, con cháu không ai phải đóng góp. Khi cụ K1 chết các con cháu cùng đứng ra lo mai táng cho cụ, số tiền phùng viếng đủ tiền chi trả cho đám hiếu nên không ai phải đóng góp thêm.

Sau khi hai cụ chết một thời gian gia đình có họp bàn để phân chia di sản của các cụ, trong gia đình đã thống nhất được về việc sử dụng các thửa đất ruộng nhưng đối với 1.100m² đất ở tại thửa số 350, tờ bản đồ số 26; địa chỉ thửa đất xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã V, tỉnh Thái Nguyên) một phần do gia đình nhà ông Lê Văn P con

ông Đ1 quản lý, một phần do bà Lê Thị Đ quản lý các thành viên khác chưa thống nhất được việc phân chia. Để đảm bảo quyền lợi cho các thành viên thuộc hàng và diện thừa kế của cụ C và cụ K1 ông đề nghị Tòa án chia di sản theo pháp luật của cụ C và cụ K1 là thửa đất ở có diện tích 1100m² tọa lạc tại xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Ông N Yêu cầu được chia một phần di sản bằng hiện vật. Đối với di sản là các thửa ruộng gia đình tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, tại biên bản ghi lời khai bà Lê Thị Đ trình bày: Bố, mẹ là bà cụ Lê Văn C, chết năm 1995 và cụ Nguyễn Thị K1, chết năm 1999. Cụ C và cụ K1 sinh được 04 người con gồm:

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1935

Địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1940, chết năm 1969, ông Lê Minh N là con trai duy nhất của ông T2.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1945, chết năm 2015. Bà H có tổng cộng 07 người con gồm: ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; bà Lê Thị N1, sinh năm 1970; bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978; ông Trần Văn V, sinh năm 1980; ông Trần Văn V1, sinh năm 1983; anh Trần Văn K, sinh năm 1987.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950.

Trước khi cụ C và cụ K1 chết, các cụ có khối di sản gồm các thửa đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 957 ngày 28/10/1994. Bao gồm đất thổ cư 1.100m² thửa số 350, tờ bản đồ số 26; thửa đất ruộng số 130a tờ bản đồ số 26 diện tích 870m²; thửa đất ruộng số 130b tờ bản đồ số 26 diện tích 480m²; thửa đất số 138 tờ bản đồ số 26 diện tích 290m². Ngoài ra cụ C và cụ K1 không còn tài sản nào khác, các cụ không có tài sản cho vay và không nợ ai.

Cụ C và cụ K1 chết đều không để lại di chúc. Khi cụ C chết cụ K1 là người đứng ra lo mai táng, con cháu không ai phải đóng góp. Khi cụ K1 chết các con cháu cùng đứng ra lo mai táng cho cụ, số tiền phúng viếng đủ tiền chi trả cho đám hiếu nên không ai phải đóng góp thêm.

Sau khi hai cụ chết một thời gian gia đình có họp bàn để phân chia di sản của các cụ, trong gia đình đã thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế nhưng chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông N là cháu bà có đề nghị Tòa án chia di sản theo pháp luật của cụ C và cụ K1 là thửa đất ở có diện tích 1100m² tọa lạc tại xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên bà cũng nhất trí, tuy nhiên bà xác định bà và ông Lê Văn Đ1 đã thỏa thuận với những người thuộc hàng thừa kế của bà H là bà và ông Đ1 được quyền sử dụng kỹ phần nhẽ ra bà H được hưởng nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T1 trình bày: Ông bà ngoại ông là cụ Lê Văn C, chết năm 1995 và cụ Nguyễn Thị K1, chết năm 1999. Cụ C và cụ K1 sinh được 04 người con gồm:

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1935

Địa chỉ: xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1940, chết năm 1969, ông Lê Minh N là con trai duy nhất của ông T2.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1945, chết năm 2015. Bà H có tổng cộng 07 người con gồm: ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; bà Lê Thị N1, sinh năm 1970; bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978; ông Trần Văn V, sinh năm 1980; ông Trần Văn V1, sinh năm 1983; anh Trần Văn K, sinh năm 1987.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950.

Trước khi cụ C và cụ K1 chết, các cụ có khối di sản gồm các thửa đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 957 ngày 28/10/1994. Bao gồm đất thổ cư 1.100m² thửa số 350, tờ bản đồ số 26; thửa đất ruộng số 130a tờ bản đồ số 26 diện tích 870m²; thửa đất ruộng số 130b tờ bản đồ số 26 diện tích 480m²; thửa đất số 138 tờ bản đồ số 26 diện tích 290m². Ngoài ra cụ C và cụ K1 không còn tài sản nào khác, các cụ không có tài sản cho vay và không nợ ai.

Cụ C và cụ K1 chết đều không để lại di chúc. Khi cụ C chết cụ K1 là người đứng ra lo mai táng, con cháu không ai phải đóng góp. Khi cụ K1 chết các con cháu cùng đứng ra lo mai táng cho cụ, số tiền phúng viếng đủ tiền chi trả cho đám hiếu nên không ai phải đóng góp thêm.

Sau khi hai cụ chết một thời gian gia đình có họp bàn để phân chia di sản của các cụ, trong gia đình đã thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế nhưng chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông N là con đẻ ông Lê Văn T2 có đề nghị Tòa án chia di sản theo pháp luật của cụ C và cụ K1 là thửa đất ở có diện tích 1100m² tọa lạc tại xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên ông cũng nhất trí. Tuy nhiên ông T1 cùng xác định ông và các em của ông không nhận di sản thừa kế của cụ C và cụ K1. Ông T1 đề nghị Tòa án lấy phần tài sản mà theo quy định bà H là mẹ ông được hưởng chia cho bà Đ và ông Đ1. Ngoài ra ông T1 không còn ý kiến nào khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: bà Lê Thị N1, ông Trần Văn V, ông Trần Văn V1, anh Trần Văn K, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị Ngọc S đều có quan điểm như ông Trần Văn T1 trình bày.

Ông Lê Văn P là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1 và bà Ngô Thị T có quan điểm giống với quan điểm của bà Lê Thị Đ về thời gian cụ C và cụ K1 chết, hàng thừa kế của cụ K1 và cụ C cũng như di sản của các cụ để lại. Ông P xác định ông có mượn đất của các cụ tại thửa đất số 411 tờ bản đồ số 47, xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên xây nhà và sinh sống.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng không thành, nên phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực

hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng Dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N. Đề nghị Hội đồng xét xử giao các thửa đất theo hiện trạng sử dụng cho ông Lê Văn Đ1 thửa đất số 411, bà Lê Thị Đ thửa đất 410 - 1 và ông Lê Minh N thửa đất 410 – 2, đều cùng tờ bản đồ địa chính xã V số 47

Về chi phí thẩm định, định giá đo vẽ bằng máy: Ghi nhận sự thỏa thuận, ông Lê Văn P và ông Lê Minh N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí. Ông có trách nhiệm thanh toán cho ông N số tiền $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá bằng 6.000.000đ.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự (người cao tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận và nghị án.

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc: “*Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*” giữa nguyên đơn ông Lê Minh N với phía bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn P. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở tại xã V, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh N có mặt, bị đơn ông Lê Văn P có mặt có mặt, bà Lê Thị Đ vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn T1, Lê Thị N1, Trần Văn K, Trần Văn V, Trần Văn V1, Trần Thị Á, Trần Thị S, vắng mặt. Ông Lê Văn Đ1 và bà Ngô Thị T ủy quyền cho ông Lê Văn P tham gia tố tụng. Các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị xét xử vụ án. Căn cứ điều 227, và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện và di sản thừa kế vụ án: Cụ Lê Văn C chết năm 1995 cụ Nguyễn Thị K1 chết năm 1999. Ngày 09/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thái Nguyên) tiến hành thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C và cụ K1 theo pháp luật do ông Lê Minh N khởi kiện. Theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017), thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện chia di sản của cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Qua xem xét thửa đất đã được cấp quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 957 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/10/1994. Bao gồm đất ở tại nông thôn diện tích 1.100m² thửa số 350, tờ bản đồ số 26; thửa đất ruộng số 130a tờ bản đồ số 26 diện tích 870m²; thửa đất ruộng số 130b tờ bản đồ số 26 diện tích 480m²; thửa đất số 138 tờ bản đồ số 26 diện tích 290m². Các đương sự đều xác định đối với di sản là các thửa đất ruộng canh tác gia đình đã tự

thỏa thuận được với nhau. Nguyên đơn đơn ông Lê Minh N khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ C và cụ K1 là thửa đất ở số 350, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299) là có căn cứ. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất ở là 1.100m².

Đối chiếu với bản đồ địa chính thửa đất trên hiện này chia thành 02 thửa cụ thể, thửa 410 tờ bản đồ địa chính số 27 diện tích 652, 3m² (theo đo đạc hiện trạng thửa đất 410 chia thành 02 thửa, thửa 410-1 có diện tích 327,4m² trên thửa đất có nhà cấp 4 và công trình phụ do bà Lê Thị Đ xây dựng và sử dụng và thửa đất số 410 - 2 diện tích 203,6m² do ông Lê Minh N quản lý) và thửa 411 diện tích 448,0m² (diện tích theo đo đạc hiện trạng bằng 413,6m² trên thửa đất có nhà xây 02 tầng, nhà xây cấp 4 công trình phụ do ông Lê Văn P con ông Lê Văn Đ1 xây dựng và sử dụng) và một phần diện tích gia đình đã hiến làm đường giao thông của xóm và xã.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều xác định các thửa đất ở có nguồn gốc do cụ Lê Văn C và Nguyễn Thị K1 được nhà nước giao quyền sử dụng. Do vậy căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Đối với phần đất ruộng là di sản của cụ Lê Văn C và Nguyễn Thị K1 các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 31/03/2025, Hội đồng định giá kết luận:

- Giá đất ở nông thôn loại 1 có giá 360.000đ/m². Tổng diện tích đất theo hiện trạng tại 03 vị trí đất có giá: $(327,4\text{m}^2 + 203,6\text{m}^2 + 413,6\text{m}^2) \times 360.000\text{đ/m}^2 = 340.056.000\text{đ}$ (ba trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Tài sản trên đất ở các vị trí cụ thể:

Vị trí 1: Ông Lê Minh N đang quản lý gồm 01 tường rào có trị giá bằng: 6.049.890đ (sáu triệu không trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Vị trí 2: Bà Lê Thị Đ đang quản lý gồm có tài sản: Nhà cấp 4 hết khấu hao, không còn giá trị; nhà tắm và công trình vệ sinh có giá 18.290.842 đồng; nhà bếp, chuồng nuôi lợn hết khấu hao sử dụng; 01 sân bê tông xây dựng năm 2021 có giá 3.484.266đồng; 01 tường rào hết khấu hao sử dụng.

Vị trí 3: Ông Lê Văn P con trai ông Lê Văn Đ1 quản lý gồm: 01 nhà 02 tầng có giá trị 540.692.880đ; 01 nhà xây cấp 4 hết khấu hao sử dụng; 01 sân bê tông giá 1695.732 đồng; 01 chuồng nuôi lợn đã hết khấu hao sử dụng; 01 tường rào xây trước nhà có na sắt có giá 4.252.776 đồng; 01 tôn xộp có giá 2.457.600đ.

Tổng giá trị tài sản trên đất tại 03 vị trí bằng 576.923.986đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Giá trị đất đã được các đương sự thống nhất đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định, không ai có ý kiến hay khiếu nại về kết quả định giá tài sản. Quá

trình giải quyết các đương sự đều nhất trí với kết quả của Hội đồng định giá và không đề nghị định giá lại.

Như vậy di sản của cụ C và cụ K1 do ông Lê Minh N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là diện tích đất ở tại thửa đất số 410 và 411 tờ bản đồ địa chính số 47 tọa lạc tại xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên có giá: 340.056.000đ (ba trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Các tài sản trên đất các đương sự không tranh chấp không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận cụ Lê Văn C chết năm 1995, Cụ Nguyễn Thị K1 chết năm 1999. Cụ C và cụ K1 có 04 người con gồm: Ông Lê Văn Đ1 sinh năm 1935; Ông Lê Văn T2 sinh năm 1940 chết năm 1969, ông Lê Minh N là người thừa kế thế vị của ông T2; bà Lê Thị H, sinh năm 1945, chết năm 2015. *(Bà H có tổng cộng 07 người con gồm: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; bà Lê Thị N1, sinh năm 1970; bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978; ông Trần Văn V, sinh năm 1980; ông Trần Văn V1, sinh năm 1983; anh Trần Văn K, sinh năm 1987);* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950.

Phân chia di sản thừa kế: Do cụ C và cụ K1 chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ C và cụ K1 theo quy định của pháp luật và chia đều cho hàng thừa kế: Gồm 04 người con của cụ C và cụ K1 là Lê Văn Đ1, Lê Văn T2 (đã chết năm 1969), Lê Thị H (đã chết năm 2015) và Lê Thị Đ mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng: 340.056.000đ (ba trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) : 4 = 85.014.000đ (tám mươi lăm triệu không trăm mười bốn nghìn đồng). Ông Lê Văn T2 chết trước cụ C, nên theo khoản 1 Điều 652 BLDS 2015, con trai của ông T2 là ông Lê Minh N được hưởng thừa kế thế vị; Bà Lê Thị H chết sau cụ C, nên vẫn là người thừa kế hàng thứ nhất và được hưởng thừa kế của cụ C. Tuy nhiên, vì bà H đã chết năm 2015, nên khi chia di sản của cụ K1 (mất năm 1999), thì phần của bà H cũng được chia tiếp cho các con bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà H.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T1; bà Lê Thị N1; bà Trần Thị Á; bà Trần Thị Ngọc S; ông Trần Văn V; ông Trần Văn V1; anh Trần Văn K là các con của bà Lê Thị H đều có cùng quan điểm ký phần di sản do bà H nhẽ ra được hưởng hàng thừa kế thứ nhất của bà H từ chối nhận và đề nghị Tòa án giao lại phần đó cho ông Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị Đ sử dụng.

Trong quá trình giải quyết các đương sự ông N, bà Đ, ông P đều xác định thực tế thửa đất ở là di sản của cụ C và cụ K1, sau khi các cụ mất gia đình đã tự thỏa thuận chia nhau bằng miệng nên đã hình thành 03 vị trí đất có tường rào ngăn cách theo đó, thửa đất số 411 tờ bản đồ địa chính số 47 do ông Lê Văn P con ông Đ1 sử dụng; thửa đất 410 - 1 do bà Lê Thị Đ sử dụng và thửa đất 410 - 2 do ông N con ông T2 sử dụng nhưng chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất bà Đ và anh P sử dụng lớn hơn diện tích đất do ông N sử dụng nhưng đó là phần đất do hàng thừa kế thứ nhất của bà H từ chối nhận và đề nghị giao cho ông Đ1 và bà Đ. Các đương sự đều đề nghị Tòa

án tiếp tục giao cho mình sử dụng phần diện tích đất hiện nay đang sử dụng, mà không yêu cầu được hưởng phần giá trị chênh lệch nhẽ ra mình được hưởng theo quy định, điều này phù hợp với ý trí và nguyện vọng của đương sự thực tế đang sử dụng tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử cần giao các quyền sử dụng cụ thể:

- Giao cho hàng thừa kế thế vị của ông Lê Văn T2 là ông Lê Minh N sử dụng 203,6m² đất ở nằm tại thửa 410-2, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (44,45,46,47,48,49) có giá trị bằng: 73.296.000đ (bảy mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Giao cho bà Lê Thị Đ sử dụng 327,4m² đất nằm ở tại thửa đất 410 – 1, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (40,41,42,43,44,49,50,51,52,53) có giá trị bằng 117.864.000đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

- Giao cho ông Lê Văn Đ1 sử dụng 413,6m² đất ở nằm tại thửa 411, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (32,33,34,35,6,7,8,9,36,37,38) có giá trị bằng 148.896.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về phần tài sản trên đất: Các đương sự đều xác định các tài sản trên các thửa đất được giao các đương sự không tranh chấp, người được giao sử dụng đất được quyền sử dụng các tài sản trên đất. Đối với phần đất giao ông Lê Văn Đ1 có nhà ở và các công trình do ông Lê Văn P là con đẻ ông Đ1 xây dựng và sử dụng, vợ chồng ông P và ông Đ1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với một số thửa đất ruộng canh tác được thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Lê Văn C, ông Lê Minh N không yêu cầu chia, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vì vậy căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về quyền tự định đoạt của đương sự. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về chi phí định giá tài sản và đo vẽ bằng máy, chi phí thẩm định tài sản: Ông Lê Minh N đã nộp tạm ứng số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa ông P là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Đ1 tự nguyện chịu ½ chi phí vì vậy cần buộc ông P thanh toán trả ông N số tiền 6.000.000đ là phù hợp.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nộp vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên các đương sự đều là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị Đ và ông Lê Minh N là phù hợp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 611,612, 613, 617, 623,649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh N về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị K1 theo quy định của pháp luật.

2.1. Xác định di sản của cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị K1 do nguyên đơn Lê Minh N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 350, tờ bản đồ số 26 (bản đồ 299) diện tích 1100m² loại đất đất ở tại nông thôn. Đối chiếu với bản đồ địa chính và đo hiện trạng là 03 thửa, thửa 410 - 1 tờ bản đồ địa chính số 47 diện tích 327,6m²; thửa đất 410 - 2 diện tích 203,6m²; thửa đất số 411 diện tích 413,6m². Các thửa đất tọa lạc tại xóm C, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Di sản của cụ C và cụ K1 có trị giá bằng: 340.056.000đ (ba trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn C và Nguyễn Thị K1 có 04 người con gồm: Ông Lê Văn Đ1 sinh năm 1935; Ông Lê Văn T2 sinh năm 1940 Người thừa kế thế vị của ông T2 là ông Lê Minh N, bà Lê Thị H, sinh năm 1945, chết năm 2015. *(Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H: ông Trần Văn T1, sinh năm 1965; bà Lê Thị N1, sinh năm 1970; bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1978; ông Trần Văn V, sinh năm 1980; ông Trần Văn V1, sinh năm 1983; anh Trần Văn K, sinh năm 1987 đều từ chối nhận di sản và đề nghị giao lại ký phần thừa kế của bà H nhẽ ra được hưởng cho ông Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị Đ); Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950.*

3. Chia di sản thừa kế.

- Giao cho hàng thừa kế thế vị của ông Lê Văn T2 là ông Lê Minh N sử dụng 203,6m² đất ở số 410-2, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (44,45,46,47,48,49) có giá trị bằng: 73.296.000đ (bảy mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trên đất có phần tường rào do ông N xây dựng.

- Giao cho bà Lê Thị Đ sử dụng 327,4m² đất nằm ở tại thửa đất 410 - 1, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (40,41,42,43,44,49,50,51,52,53) có giá trị bằng 117.864.000đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Trên đất có nhà xây cấp 4, nhà bếp, công trình phụ, chuồng lợn và các công trình xây dựng khác do bà Đ xây dựng.

- Giao cho ông Lê Văn Đ1 sử dụng 413,6m² đất ở nằm tại thửa 411, tờ bản đồ số 47 có sơ đồ (32,33,34,35,6,7,8,9,36,37,38) có giá trị bằng 148.896.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trên đất có nhà xây 02 tầng, nhà xây cấp 4 và công trình phụ và các công trình xây dựng khác do ông Lê Văn P (con trai ông Đ1 xây dựng).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án, lệ phí:

- *Về chi phí thẩm định, đo vẽ bằng máy:* Ông Lê Văn P có trách nhiệm thanh toán trả ông Lê Minh N 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền lệ phí thẩm định, định giá tài sản và đo vẽ bằng máy.

+ Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Minh N, ông Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị Đ (người cao tuổi).

Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 3 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khánh